

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh mục và dự toán gói thầu: Thuê dịch vụ ứng dụng công nghệ thông tin, hạ tầng kỹ thuật để quản lý, sản xuất, phân phối nội dung số trên nền tảng internet, giai đoạn 2024-2025

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023;

Căn cứ Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;

Căn cứ Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 26/3/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, tổ chức chính trị xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội nghề nghiệp; Thông tư số 68/2022/TT-BTC ngày 11/11/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016;

Căn cứ Thông tư số 03/2020/TT-BTTTT ngày 24/02/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về lập đề cương và dự toán chi tiết đối với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước; Thông tư 04/2020/TT-BTTTT ngày 24/02/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về lập và quản lý chi phí dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Quyết định số 2378/QĐ-BTTTT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc công bố định mức chi phí quản lý dự

án, chi phí tư vấn đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng ngân sách nhà nước; Quyết định số 1688/QĐ-BTTTT ngày 11/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 2378/QĐ-BTTTT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông công bố định mức chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2689/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 2803/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch thuê dịch vụ ứng dụng công nghệ thông tin, hạ tầng kỹ thuật để quản lý, sản xuất, phân phối nội dung số trên nền tảng internet, giai đoạn 2024-2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh Sơn La tại Tờ trình số 16/TTr-PTTH ngày 15/3/2024; Công văn số 4711/STC-TCHCSN ngày 24/11/2023 và Công văn số 251/STC-QLGCS ngày 17/01/2024 của Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục và dự toán thuê dịch vụ ứng dụng công nghệ thông tin, hạ tầng kỹ thuật để quản lý, sản xuất, phân phối nội dung số trên nền tảng internet, giai đoạn 2024-2025 như sau:

1. Danh mục thuê dịch vụ và tài sản: Chi tiết theo Phụ lục I kèm theo.

2. Dự toán: 8.685.688.000 đồng (Bằng chữ: Tám tỷ, sáu trăm tám mươi lăm triệu sáu trăm tám mươi tám nghìn đồng). Trong đó:

- Chi phí thuê dịch vụ và tài sản công nghệ thông tin: 8.612.105.000 đồng.
- Chi phí tư vấn: 40.253.000 đồng.
- Chi phí khác: 33.330.000 đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục II và Phụ lục III kèm theo)

3. Nguồn kinh phí:

- Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị: 33.000.000 đồng.
- Năm 2024: 3.817.688.000 đồng, thực hiện theo Quyết định số 2689/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 của UBND tỉnh.
- Năm 2025: 4.835.000.000 đồng, theo dự toán chi thường xuyên được cấp có thẩm quyền giao trong năm.

Điều 2. Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh Sơn La (*Chủ đầu tư*) có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Đấu thầu và các quy định pháp luật hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Thông tin và Truyền thông; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh; Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KGVX, Vi Hải

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

Tráng Thị Xuân

Phụ lục I
DANH MỤC THUÊ DỊCH VỤ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, HẠ
TẦNG KỸ THUẬT ĐỂ QUẢN LÝ, SẢN XUẤT, PHÂN PHỐI NỘI DUNG SỐ
TRÊN NỀN TẢNG INTERNET, GIAI ĐOẠN 2024-2025
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /3/2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Nội dung thuê dịch vụ	Yêu cầu dịch vụ
1	2	3
1	Thuê dịch vụ vận hành, bảo trì, hỗ trợ kỹ thuật trang thông tin điện tử:	+ Dịch vụ vận hành, bảo trì, cập nhật trang thông tin điện tử; + Dịch vụ ghi và đồng bộ dữ liệu phát sóng cho website; + Dịch vụ hosting và lưu trữ cho website.
2	Thuê dịch vụ quản lý số trên nền tảng internet (trình duyệt trên PC và ứng dụng trên thiết bị di động) bao gồm các chức năng:	+ Module kiểm duyệt nội dung trên website; + Module lập lịch phát sóng truyền hình trên hệ thống CMS; + Module lập lịch phát sóng phát thanh trên hệ thống CMS; + Module đăng ký sản xuất trên ứng dụng app mobile; + Module kiểm duyệt nội dung trên ứng dụng app mobile; + Module kế hoạch/ lịch làm việc trên ứng dụng app mobile; + Module thông báo trên ứng dụng app mobile; + Dịch vụ quản lý xuất bản trên mạng xã hội (fb, tiktok, zalo, youtube...).
3	Thuê dịch vụ vận hành, bảo trì, cập nhật ứng dụng OTT (App STV go)	+ Dịch vụ vận hành, bảo trì và cập nhật ứng dụng truyền hình trên thiết bị di động (Tablet, smart phone) cho Android và iOS4; + Dịch vụ vận hành, bảo trì và cập nhật ứng dụng truyền hình trên Android (TV Sony, TCL), Tizen (Samsung) và WebOS (LG); + Dịch vụ ghi và đồng bộ dữ liệu phát sóng OTT, smartTV và Tvbox; + Dịch vụ hosting cho OTT; + Dịch vụ lưu trữ cho hệ thống nội dung số; + Dịch vụ phân phối nội dung và chịu tải trên nền tảng internet CDN.
4	Thuê dịch vụ hỗ trợ sản xuất nội dung số	+ Dịch vụ hỗ trợ công nghệ kết nối tương tác trên các nền tảng số, app mobile trong sản xuất chương trình tọa đàm tương tác; + Dịch vụ hỗ trợ công nghệ kết nối tương tác trên các nền tảng số, app mobile trong sản xuất chương trình gameshow tương tác.
5	Thuê tài sản phục vụ cho các dịch vụ truyền hình	+ Dịch vụ thuê máy chủ phát sóng phát thanh; + Dịch vụ thuê máy chủ quản lý phát sóng truyền hình TV Automation; + Dịch vụ thuê máy chủ quản lý phát sóng phát thanh Radio Automation; + Dịch vụ thuê máy chủ media streaming server; + Dịch vụ thuê máy chủ cơ sở dữ liệu; + Dịch vụ thuê thiết bị tường lửa.

Phụ lục II
DỰ TOÁN THUÊ DỊCH VỤ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐỀ QUẢN LÝ,
SẢN XUẤT, PHÂN PHỐI NỘI DUNG SỐ TRÊN NỀN TẢNG INTERNET, GIAI ĐOẠN 2024-2025
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /3/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Chi phí trước thuế	Thuế GTGT	Chi phí sau thuế	Chi phí làm tròn	Tham chiếu cách tính
1	Chi phí thuê dịch vụ	Gdv	Dự toán chi tiết (Phụ lục số III)	7.829.186.364	782.918.636	8.612.105.000	8.612.105.000	Chứng thư thẩm định giá
2	Chi phí tư vấn đầu tư	Gtv	Gtv1+Gtv2	36.593.349	3.659.335	40.252.684	40.253.000	
2.1	Chi phí lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu	Gtv1	Gdv*0,27%	21.138.803	2.113.880	23.252.684	23.253.000	Quyết định số 1688/QĐ-BTTTT ngày 11/10/2019
2.2	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu	Gtv2	Theo HĐ	15.454.545	1.545.455	17.000.000	17.000.000	Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024
3	Chi phí khác	Gk	Gk1+Gk2	30.300.000	3.030.000	33.330.000	33.330.000	
3.1	Chi phí Thẩm định giá	Gk1	Theo HĐ	30.000.000	3.000.000	33.000.000	33.000.000	Theo Hợp đồng số 10.06.02/2023/HĐ-VNA
3.2	Chi phí đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia của Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Gk2	Theo thông báo của hệ thống đấu thầu	300.000	30.000	330.000	330.000	Thông tư số 06/2021/TT-BKHĐT ngày 30/9/2021
	TỔNG CỘNG:	TM	Gdv+Gtv+Gk	7.896.079.712	789.607.971	8.685.687.684	8.685.688.000	

Số tiền bằng chữ: Tám tỷ, sáu trăm tám mươi lăm triệu sáu trăm tám mươi tám nghìn đồng.

Phụ lục III
DỰ TOÁN CHI TIẾT THUÊ DỊCH VỤ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐỀ QUẢN LÝ,
SẢN XUẤT, PHÂN PHỐI NỘI DUNG SỐ TRÊN NỀN TẢNG INTERNET, GIAI ĐOẠN 2024-2025
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /3/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Đơn giá/01 ngày	Kinh phí				Ghi chú
			Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Tổng cộng	
				(285 ngày)	(365 ngày)		
1	2	3	4	5	6	7	8
I	CHI PHÍ THUÊ DỊCH VỤ			3.777.105.000	4.835.000.000	8.612.105.000	Chứng thư thẩm định giá số 10.20.02/2023/CT-VNA
1	Chi phí thuê dịch vụ vận hành, bảo trì, hỗ trợ kỹ thuật trang thông tin điện tử	789.000		224.865.000	287.900.000	512.765.000	
1.1	Dịch vụ vận hành, bảo trì, cập nhật trang thông tin điện tử	342.000		97.470.000	124.800.000	222.270.000	
1.2	Dịch vụ ghi và đồng bộ dữ liệu phát sóng cho website	197.000		56.145.000	71.900.000	128.045.000	
1.3	Dịch vụ hosting và lưu trữ cho website	250.000		71.250.000	91.200.000	162.450.000	
2	Chi phí thuê dịch vụ quản lý số trên nền tảng internet (trình duyệt trên PC và ứng dụng trên thiết bị di động)	3.058.000		871.530.000	1.115.600.000	1.987.130.000	
2.1	Module kiểm duyệt nội dung trên website	329.000		93.765.000	120.000.000	213.765.000	
2.2	Module lập lịch phát sóng truyền hình trên hệ thống CMS	329.000		93.765.000	120.000.000	213.765.000	

TT	Nội dung	Đơn giá/01 ngày	Kinh phí				Ghi chú
			Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Tổng cộng	
				(285 ngày)	(365 ngày)		
1	2	3	4	5	6	7	8
2.3	Module lập lịch phát sóng phát thanh trên hệ thống CMS	263.000		74.955.000	95.900.000	170.855.000	
2.4	Module đăng ký sản xuất trên ứng dụng app mobile	493.000		140.505.000	179.900.000	320.405.000	
2.5	Module kiểm duyệt nội dung trên ứng dụng app mobile	493.000		140.505.000	179.900.000	320.405.000	
2.6	Module kế hoạch/ lịch làm việc trên ứng dụng app mobile	395.000		112.575.000	144.100.000	256.675.000	
2.7	Module thông báo trên ứng dụng app mobile	263.000		74.955.000	95.900.000	170.855.000	
2.8	Dịch vụ quản lý xuất bản trên mạng xã hội (fb, tiktok, zalo, youtube...)	493.000		140.505.000	179.900.000	320.405.000	
3	Chi phí thuê dịch vụ vận hành, bảo trì, cập nhật ứng dụng OTT (App STV go)	3.425.000		976.125.000	1.249.500.000	2.225.625.000	
3.1	Dịch vụ ứng dụng trên thiết bị di động (smart phone) cho Android và iOS	651.000		185.535.000	237.500.000	423.035.000	
3.2	Dịch vụ ứng dụng OTT trên Android (TV Sony, TCL), Tizen (Samsung) và WebOS (LG)	651.000		185.535.000	237.500.000	423.035.000	
3.3	Dịch vụ ghi và đồng bộ dữ liệu phát sóng OTT, smartTV và Tvbox	362.000		103.170.000	132.100.000	235.270.000	
3.4	Dịch vụ hosting cho OTT	283.000		80.655.000	103.200.000	183.855.000	

TT	Nội dung	Đơn giá/01 ngày	Kinh phí				Ghi chú
			Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Tổng cộng	
				(285 ngày)	(365 ngày)		
1	2	3	4	5	6	7	8
3.5	Dịch vụ lưu trữ cho hệ thống nội dung số	393.000		112.005.000	143.400.000	255.405.000	
3.6	Dịch vụ phân phối nội dung và chịu tải trên nền tảng internet CDN	1.085.000		309.225.000	395.800.000	705.025.000	
4	Chi phí thuê dịch vụ hỗ trợ sản xuất nội dung số	3.135.000		893.475.000	1.143.700.000	2.037.175.000	
4.1	Dịch vụ hỗ trợ công nghệ kết nối tương tác trên các nền tảng số, app mobile trong sản xuất chương trình tọa đàm tương tác	1.710.000		487.350.000	623.800.000	1.111.150.000	
4.2	Dịch vụ hỗ trợ công nghệ kết nối tương tác trên các nền tảng số, app mobile trong sản xuất chương trình gameshow tương tác	1.425.000		406.125.000	519.900.000	926.025.000	
5	Thuê tài sản phục vụ cho các dịch vụ truyền hình	2.846.000		811.110.000	1.038.300.000	1.849.410.000	
5.1	Thuê máy chủ phát sóng phát thanh	329.000		93.765.000	120.000.000	213.765.000	
5.2	Thuê máy chủ quản lý phát sóng truyền hình TV Automation	1.184.000		337.440.000	432.000.000	769.440.000	
5.3	Thuê máy chủ quản lý phát sóng phát thanh Radio Automation	395.000		112.575.000	144.100.000	256.675.000	
5.4	Thuê máy chủ media streaming server	395.000		112.575.000	144.100.000	256.675.000	
5.5	Thuê máy chủ cơ sở dữ liệu	395.000		112.575.000	144.100.000	256.675.000	

TT	Nội dung	Đơn giá/01 ngày	Kinh phí				Ghi chú
			Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Tổng cộng	
				(285 ngày)	(365 ngày)		
1	2	3	4	5	6	7	8
5.6	Thuê thiết bị tường lửa	148.000		42.180.000	54.000.000	96.180.000	
III	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ CHI PHÍ KHÁC		33.000.000	40.583.000		73.583.000	
1	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu	0,27%		23.253.000		23.253.000	Bảng 8 tiểu mục 7.3 mục 7 Quyết định số 1688/QĐ-BTTTT ngày 11/10/2019
2	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu			17.000.000		17.000.000	Điểm a khoản 2 Điều 12 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP
3	Chi phí đăng tải thông tin mời thầu			330.000		330.000	Theo quy định
4	Chi phí thẩm định giá		33.000.000			33.000.000	Theo Hợp đồng số 10.06.02/2023/HĐ-VNA
	Tổng cộng (Làm tròn):		33.000.000	3.817.688.000	4.835.000.000	8.685.688.000	

Số tiền bằng chữ: Tám tỷ, sáu trăm tám mươi lăm triệu sáu trăm tám mươi tám nghìn đồng.